

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **05** /2023/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày **30** tháng **6** năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư và Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Các mẫu báo cáo về hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 29/2021/NĐ-CP), trừ các dự án đầu tư ra nước ngoài.

Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện các mẫu báo cáo theo thông tư này; những vấn đề khác biệt do đặc thù của việc sử dụng nguồn vốn này, thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

2. Chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ để thực hiện giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập và báo cáo về hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là hệ thống để cập nhật, lưu trữ thông tin, giám sát, đánh giá, phân tích, công khai thông tin theo quy định về các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên toàn quốc. Hệ thống bao gồm các thành phần:

a) Cổng thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư là trang thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư nhằm công khai minh bạch thông tin đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Điều 14 Luật Đầu tư công;

b) Hệ thống thông tin nghiệp vụ là Hệ thống để các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư sử dụng vốn nhà nước sử dụng tài khoản do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp thực hiện các nghiệp vụ về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định;

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: hệ thống mạng, máy chủ, bảo mật, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Chữ ký số sử dụng trong Hệ thống thông tin nghiệp vụ: là chữ ký số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ

phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Hệ thống đăng ký tài khoản là Hệ thống để các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư sử dụng vốn nhà nước đăng ký tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ (tại địa chỉ <https://taikhoan.mpi.gov.vn>).

4. Số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư: là số liệu theo 08 phụ biểu Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ; CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRỰC TUYẾN VÀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN VỀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1

MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 4. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

1. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm:

Mẫu số 01: Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm.

2. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, bao gồm:

a) Mẫu số 02: Báo cáo đánh giá ban đầu;

b) Mẫu số 03: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư (6 tháng, cả năm);

c) Mẫu số 04: Báo cáo đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn;

d) Mẫu số 05: Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư;

d) Mẫu số 06: Báo cáo đánh giá đột xuất;

e) Mẫu số 07: Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư;

g) Mẫu số 08: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (6 tháng, cả năm);

h) Mẫu số 09: Báo cáo đánh giá tác động;

đ) Mẫu số 10: Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trong năm.

3. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bao gồm:

a) Mẫu số 11: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư (6 tháng, cả năm);

b) Mẫu số 12: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (6 tháng, cả năm).

c) Mẫu Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

d) Mẫu Báo cáo đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động thực hiện theo các mẫu tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác, bao gồm:

a) Mẫu số 13: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư (6 tháng, cả năm);

b) Mẫu số 14: Báo cáo đánh giá đột xuất;

c) Mẫu số 15: Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư;

d) Mẫu số 16: Báo cáo đánh giá kết thúc;

đ) Mẫu số 17: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (6 tháng, cả năm);

e) Mẫu số 18: Báo cáo đánh giá tác động.

5. Mẫu báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng:

Mẫu số 19: Báo cáo tình hình giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Đối với các dự án có sử dụng nhiều nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn nhà nước, các mẫu biểu và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công. Riêng các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư có sử dụng vốn nhà nước, thực hiện các mẫu biểu theo quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Trong các mẫu trên đây, những chữ in nghiêng là các nội dung mang tính hướng dẫn và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa căn cứ vào tình hình thực tế.

Mục 2

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRỰC TUYẾN VÀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN VỀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Quy định về cập nhật thông tin, báo cáo của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần

1. Khi chương trình, dự án được phê duyệt đầu tư: Cập nhật thông tin chương trình, dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư vào Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư.

2. Trong quá trình thực hiện:

a) Khi có điều chỉnh hoặc phát sinh những nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP thì phải cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt những nội dung điều chỉnh hoặc phát sinh.

b) Định kỳ vào ngày 25 hằng tháng cập nhật các thông tin về: giá trị khối lượng thực hiện tại hiện trường và giá trị giải ngân; hình ảnh hoặc phim về hiện trạng thi công tại hiện trường đối với các dự án có cấu phần xây dựng.

3. Khi kết thúc chương trình, dự án: thực hiện cập nhật thông tin quyết toán dự án theo Quyết định phê duyệt quyết toán trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt quyết toán.

4. Thực hiện đăng tải các văn bản sau trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành, phát hành (văn bản đăng tải trên Hệ thống phải được quét màu văn bản gốc/bản chính hoặc là văn bản điện tử có chữ ký số chuyên dùng Chính phủ), bao gồm:

a) Quyết định/Chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có);

b) Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có);

c) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Quyết định điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (nếu có);

d) Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có);

đ) Báo cáo kết quả đánh giá;

e) Báo cáo kết quả kiểm tra;

g) Báo cáo giám sát, đánh giá dự án theo quy định tại khoản 5 Điều này;

h) Quyết định phê duyệt quyết toán.

Ngoài những thông tin, báo cáo do chủ đầu tư, chủ dự án thành phần phải đăng tải theo quy định nói trên, khuyến khích các chủ đầu tư, chủ dự án thành phần đăng tải đầy đủ các văn bản theo các chức năng của Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

5. Các báo cáo giám sát, đánh giá sau khi có đóng dấu hoặc có chữ ký số chuyên dùng Chính phủ đăng tải lên Hệ thống thông tin nghiệp vụ bao gồm:

a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng, cả năm. Riêng báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần theo Phụ biểu 09 được tổng hợp từ thông tin trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ từ các hợp đồng của dự án thuộc phạm vi quản lý;

- b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư;
- c) Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư;
- d) Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá hằng năm các chương trình, dự án đầu tư do mình quản lý.

Thời hạn báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

6. Định kỳ hằng năm báo cáo số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ, bao gồm:

- a) Tổng hợp thông tin từ các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý đã có trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ;
- b) Rà soát, bổ sung thông tin báo cáo;
- c) Gửi báo cáo số liệu.

Thời hạn báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

7. Việc cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này thay thế cho việc báo cáo bằng văn bản giấy định kỳ của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

8. Chủ đầu tư, chủ dự án thành phần không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại Điều này sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Quy định về báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước

1. Định kỳ hằng năm báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ, bao gồm:

- a) Rà soát, tổng hợp số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư từ số liệu trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các chủ đầu tư, chủ dự án thành phần trong phạm vi quản lý hoặc từ các cơ quan quản lý cấp dưới;

- b) Lập báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư theo Mẫu số 01 Thông tư này (kèm theo các phụ biểu 01, 02, 03.1, 03.2, 04, 05, 06, 07, 08 được tổng hợp từ số liệu trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ) và đăng tải báo cáo này vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ. Khi báo cáo đăng tải đã được xác thực bằng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thì không phải gửi thêm báo cáo bằng văn bản giấy cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

- c) Thời hạn báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

2. Sau khi Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương được phê duyệt, địa phương đăng tải toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Điều 7. Quản lý tài khoản sử dụng

1. Đăng ký tài khoản

a) Trường hợp đã được cấp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ:

Đăng ký trực tuyến tại địa chỉ <https://taikhoan.mpi.gov.vn>

b) Trường hợp chưa được cấp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ:

Truy cập vào địa chỉ <https://taikhoan.mpi.gov.vn>, khai báo các thông tin liên quan của chủ chương trình, chủ dự án, sau đó thực hiện một trong hai cách sau:

Cách 1: Liên hệ với cơ quan chủ quản để cơ quan chủ quản sử dụng tài khoản đã được cấp để xác nhận thông tin đăng ký.

Cách 2: In Phiếu đăng ký tài khoản sau khi khai báo thông tin, lấy xác nhận của lãnh đạo đơn vị (ký tên, đóng dấu) và gửi bản quét màu Phiếu đăng ký về email dautucong@mpi.gov.vn.

2. Cấp tài khoản

a) Đối với các tài khoản đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc đăng ký.

b) Đối với các tài khoản đăng ký theo Cách 1 quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi đơn vị chủ quản xác nhận thông tin đăng ký.

c) Đối với các tài khoản đăng ký theo Cách 2 quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được email gửi Phiếu đăng ký.

d) Tài khoản cấp mới được gửi qua thư điện tử hoặc số điện thoại di động đã khai báo.

đ) Trong trường hợp người sử dụng có yêu cầu cấp lại mật khẩu, thông tin đã khai báo sẽ là cơ sở để Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lại mật khẩu.

3. Xác thực tài khoản

Hệ thống đăng ký tài khoản được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực thông tin cá nhân đăng ký tài khoản.

4. Thu hồi, khóa tài khoản

a) Tài khoản được thu hồi khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử có chữ ký số hoặc văn bản điện tử có chữ ký số của cơ quan chủ quản.

b) Tài khoản bị khóa ngay khi được phát hiện đang sử dụng cho mục đích phá hủy dữ liệu, tấn công, dò quét Hệ thống.

5. Yêu cầu về bảo mật tài khoản

a) Người sử dụng phải đổi mật khẩu ban đầu trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được tài khoản và định kỳ hàng quý phải đổi mật khẩu để đảm bảo tính bảo mật.

b) Không tiết lộ mật khẩu cho người khác không có trách nhiệm cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ. Trường hợp thay đổi người sử dụng tài khoản, người tiếp nhận bàn giao tài khoản phải đổi lại mật khẩu và thay đổi thông tin người sử dụng tài khoản trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần

1. Cập nhật kịp thời, chính xác các thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Hằng quý, trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo (riêng quý IV là vào ngày 10 tháng 02 năm sau) phải xác nhận dữ liệu đã cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

3. Chịu trách nhiệm về thông tin, dữ liệu đã nhập vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong trường hợp báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.

4. Cử cán bộ quản lý sử dụng tài khoản. Đôn đốc, giám sát việc thực hiện yêu cầu về bảo mật tài khoản của người sử dụng tài khoản theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước

1. Xác nhận thông tin đăng ký tài khoản của cơ quan cấp dưới hoặc chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Hằng quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo (riêng quý IV là vào ngày 15 tháng 02 năm sau) phải xác nhận dữ liệu đã cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các chương trình, dự án do các chủ dự án thành phần, chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

4. Đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định về cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các cơ quan cấp dưới hoặc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

5. Cử cán bộ quản lý sử dụng tài khoản. Đơn đốc, giám sát việc thực hiện yêu cầu về bảo mật tài khoản của người sử dụng tài khoản theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- a) Xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống.
- b) Quản lý tài khoản sử dụng Hệ thống thông tin nghiệp vụ trên toàn quốc.
- c) Phối hợp đơn đốc, giám sát, kiểm tra việc cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

d) Công khai tình hình sử dụng Hệ thống thông tin nghiệp vụ theo thời gian thực; công khai tình hình báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các cơ quan và các thông tin khác theo quy định.

đ) Đào tạo, hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Hệ thống trên toàn quốc.

2. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư

a) Định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ, bao gồm:

- Tổng hợp thông tin từ số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

- Đăng tải báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm có đóng dấu hoặc có chữ ký số chuyên dùng Chính phủ lên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

b) Chủ trì đơn đốc, giám sát, kiểm tra việc cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn. **1**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; Các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HDND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các doanh nghiệp nhà nước;
- Công TTTĐT của Chính phủ; Công báo;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Ban quản lý các Khu kinh tế;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, GS&TĐĐT.(V) **123**

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

Thông tư đã được đăng tải trên Hệ thống văn bản pháp luật của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Mẫu số 01**Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm**

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐT

.... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ

(Năm...)

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

- Nêu các văn bản hướng dẫn được ban hành trong kỳ báo cáo (*số văn bản, ngày tháng ban hành, trích yếu văn bản*).
- Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.
2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định.
3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm;
- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (*giá trị khối lượng thực hiện của tất cả các nguồn vốn*);
- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ;
- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có).

(Kèm theo Phụ biểu 01)

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG

(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Việc lập, thẩm định, quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình.
2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư/điều chỉnh chương trình.
3. Tình hình thực hiện các chương trình.

a) Việc quản lý thực hiện chương trình: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết triển khai chương trình; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình;*

b) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần, dự án thuộc chương trình;

c) Tình hình thực hiện chương trình: *tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình; giá trị khối lượng thực hiện;*

d) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho chương trình; giải ngân; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) của các dự án thành phần thuộc chương trình;*

đ) Năng lực tổ chức thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần;

4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu 02)

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình lập, thẩm định, quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư.
2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án.
3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.
4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;*

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: *tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;*

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;*

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo các Phụ biểu: 03.1, 03.2, 07 và 08)

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình thực hiện dự án đầu tư: *Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán; tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án.*

2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho dự án (vốn nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn vay); giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý.*

3. Tình hình khai thác, vận hành dự án: *kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.*

4. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.

5. Việc thực hiện các nội dung quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và quyết định đầu tư Dự án.

6. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

7. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).

8. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu 03.1 và Phụ biểu 08)



VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình xây dựng và công bố dự án.
2. Tổng hợp tình hình thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng dự án.
3. Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.
4. Việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các bên ký kết Hợp đồng dự án trong việc thực hiện Hợp đồng dự án.
5. Tình hình thực hiện quyết toán, khai thác, vận hành dự án.
6. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (nếu có) và việc xử lý theo thẩm quyền.

(Kèm theo Phụ biểu 04 và Phụ biểu 08)

VIII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án.
2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải có vốn pháp định).
3. Tình hình khai thác, vận hành dự án: *Kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.*
4. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.
5. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
6. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
7. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).
8. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu số 05 và Phụ biểu 08)

IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.
2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.
3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ.
 - Số dự án được kiểm tra; mức độ đạt được so với kế hoạch *(kèm theo danh mục các dự án được người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước tổ chức kiểm tra)*;
 - Số dự án được đánh giá; mức độ đạt được so với kế hoạch *(kèm theo danh mục các dự án được đánh giá theo từng loại đánh giá)*;
 - Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án.
4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo *(kèm theo danh mục các dự án dự kiến sẽ kiểm tra, đánh giá trong kỳ)*.
5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.
6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư.
7. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

X. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng: *Công tác đào tạo, tăng cường năng lực; cơ cấu tổ chức, kinh phí hoạt động; số dự án được giám sát;...*
2. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.
3. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.
4. Các phát hiện chính của công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:
 - a) Sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;
 - b) Việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;
 - c) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án;

d) Những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

đ) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

e) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

5. Kết quả xử lý sau giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu 06)

(Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện, định kỳ hằng năm)

XI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 01
Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ báo cáo

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm (bao gồm số chuyển nguồn năm trước)	Bố trí trả nợ động XDCB	Nợ động XDCB còn lại	Tình hình thực hiện trong kỳ		Tình hình giải ngân trong kỳ		Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ¹ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ² (nếu có)
					Giá trị	so với KH vốn năm (%)	Giá trị	so với KH vốn năm (%)		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)=(6)/(1)	(8)	(9)
I	Dự án đầu tư công									
1	Vốn đầu tư công									
1.1	Vốn NSNN (vốn trong nước)									
a	Vốn NSTW									
b	Vốn NSDP									
1.2	Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài									
1.3	Vốn đầu tư công khác									
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công									
3	Vốn khác³									
3.1	Trong nước									
3.2	Nước ngoài									
II	Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công									
1	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công									
2	Vốn khác									
2.1	Trong nước									
2.2	Nước ngoài									
III	Dự án đầu tư theo phương thức PPP									
1	Vốn nhà nước tham gia dự án PPP									
1.1	Vốn đầu tư công									
1.2	Vốn nhà nước khác									
2	Vốn chủ sở hữu									
3	Vốn huy động									
3.1	Trong nước									
3.2	Nước ngoài									

¹ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

² Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

³ Là vốn không phải vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công được sử dụng trong dự án đầu tư công

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm (bao gồm số chuyển nguồn năm trước)	Bố trí trả nợ động XDCB	Nợ động XDCB còn lại	Tình hình thực hiện trong kỳ		Tình hình giải ngân trong kỳ		Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ¹ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ² (nếu có)
					Giá trị	so với KH vốn năm (%)	Giá trị	so với KH vốn năm (%)		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7) = (6)/(1)	(8)	(9)
IV	Dự án sử dụng nguồn vốn khác (vốn của các nhà đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài,...) ⁴									
1	Vốn trong nước									
2	Vốn nước ngoài									
V	Tổng cộng									
1	Vốn đầu tư công (I.1+ III.1.1)									
2	Vốn nhà nước ngoài ĐTC (I.2+ II.1+III.1.2)									
3	Vốn khác									
3.1	Trong nước (I.3.1+II.2.1+III.3.1+IV.1)									
3.2	Nước ngoài (I.3.2+II.2.2+III.3.2+IV.2)									

⁴ Đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chỉ cần điền thông tin vào các cột sau: cột số (1): ghi tổng vốn của các dự án đăng ký mới hoặc giá trị tăng thêm của các dự án điều chỉnh vốn đầu tư trong năm; cột số (4): giá trị thực hiện; cột số (6): giá trị giải ngân; cột (8) và (9) (nếu có).

Phụ biểu 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (của cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

TT	Nội dung	Chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình ĐTC do Chính phủ, Thủ tướng CP quyết định CTĐT	Chương trình ĐTC do địa phương quyết định CTĐT
I	Chủ chương trình¹			
1	Số lượng chương trình			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
II	Chủ dự án thành phần²			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
III	Chủ đầu tư dự án thuộc chương trình³			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			

¹ Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình ĐTC (đối với chương trình MTQG, chủ chương trình là cơ quan chủ trì quản lý tổng thể toàn bộ chương trình); báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các chương trình ĐTC do mình quản lý.

² Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC; báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC do mình chủ trì quản lý.

³ Là chủ đầu tư thực hiện dự án thuộc chương trình ĐTC; báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các dự án do mình làm chủ đầu tư trong các chương trình.

Các cơ quan báo cáo số liệu tại mục I, II, III tương ứng với vai trò của mình trong chương trình ĐTC. Trường hợp một cơ quan đồng thời thực hiện nhiều vai trò (chủ chương trình, chủ dự án thành phần, chủ đầu tư dự án thuộc chương trình) thì báo cáo số liệu tại tất cả các mục tương ứng với vai trò của mình.

Phụ biểu 03.1

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C
		(1)=(2)+(7)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Chuẩn bị đầu tư											
1	Số dự án được quyết định chủ trương trong kỳ											
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong kỳ											
II	Thực hiện đầu tư											
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ											
<i>a</i>	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>											
<i>b</i>	<i>Số dự án khởi công mới trong kỳ</i>											
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin GSDG trong kỳ											
3	Số dự án chưa thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin GSDG trong kỳ											
4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện)											

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C
		(1)=(2)+(7)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ											
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ (theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán)											
a	Không phù hợp với quy hoạch											
	Phê duyệt không đúng thẩm quyền											
b	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm định dự án											
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)											
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)											
a	Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện											
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định											
9	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ											

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C
		(1)=(2)+(7)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư											
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng											
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu											
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời											
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác											
10	Số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ											
11	Số dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư trong kỳ											
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư											
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư											
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư											
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác											

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C
		(1)=(2)+(7)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau											
13	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ											
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ											
-	Chi định thầu											
-	Đấu thầu hạn chế											
-	Đấu thầu rộng rãi											
-	Hình thức khác											
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ											
-	Đấu thầu không đúng quy định											
-	Ký hợp đồng không đúng quy định											
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng											
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ											
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán											

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C
		$(1)=(2)+(7)$	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ											
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ											
a	Số dự án đã đưa vào vận hành											
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)											
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ											

Ghi chú:

- QTQG: Dự án quan trọng quốc gia
- Phân loại dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư công.

Phụ biểu 03.2

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư công phân theo nguồn vốn

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSDP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Chuẩn bị đầu tư																
1	Số dự án được quyết định chủ trương trong kỳ																
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong kỳ																
II	Thực hiện đầu tư																
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ																
<i>a</i>	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>																
<i>b</i>	<i>Số dự án khởi công mới trong kỳ</i>																
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ																

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSDP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Số dự án chưa thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ																
4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)																
5	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ																
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ (theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán)																
a	Không phù hợp với quy hoạch																
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền																

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSDP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm định dự án																
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)																
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)																
a	Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện																
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định																
9	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ																
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư																

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSDP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng																
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu																
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời																
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác																
10	Số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ																
11	Số dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư trong kỳ																
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư																
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư																
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư																

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSDP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác																
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau																
13	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ																
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ																
-	Chi định thầu																
-	Đấu thầu hạn chế																
-	Đấu thầu rộng rãi																
-	Hình thức khác																
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ																
-	Đấu thầu không đúng quy định																
-	Ký hợp đồng không đúng quy định																

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSDP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng																
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ																
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán																
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ																
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ																
a	Số dự án đã đưa vào vận hành																
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)																
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ																

Ghi chú: Trường hợp dự án sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn (ODA, NSTW, NSDP, vốn ĐTC khác) thì được tính trong tất cả các cột tương ứng với nguồn vốn sử dụng. Ví dụ: dự án sử dụng cả vốn ODA và vốn NSTW (trong nước) thì dự án đó được tổng hợp ở cả cột (1) và cột (6).

Phụ biểu 04
Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư
theo phương thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm dự án			
			(1)	(2)	(3)	(4)
I	Tình hình thực hiện thủ tục đầu tư					
1	Số dự án được quyết định chủ trương đầu tư					
2	Số dự án có quyết định đầu tư					
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư					
a	Chỉ định nhà đầu tư					
b	Đấu thầu rộng rãi					
4	Số dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư					
5	Số dự án được điều chỉnh quyết định đầu tư					
6	Số dự án được ký kết hợp đồng					
II	Tình hình thực hiện đầu tư					
1	Số dự án thực hiện đầu tư					
a	Số dự án chuyển tiếp					
b	Số dự án khởi công mới					
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định					
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)					
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá					
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện					
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)					
a	Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện					
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định					
7	Số dự án chậm tiến độ					
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư					
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng					
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu					

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm dự án			
			(1)	(2)	(3)	(4)
<i>d</i>	Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân khác					
8	Số dự án phải điều chỉnh					
<i>a</i>	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư					
<i>b</i>	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư					
<i>c</i>	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư					
<i>d</i>	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác					
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau					
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng					
1	Số dự án kết thúc đầu tư					
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán					
3	Số dự án được quyết toán					
4	Tình hình khai thác vận hành					
<i>a</i>	Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành					
<i>b</i>	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.					
<i>c</i>	Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả (nếu có)					

Ghi chú:

- (1) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.
 (2) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
 (3) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật PPP.
 (4) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Phụ biểu 05

Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Nội dung	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư trong kỳ							
2	Số dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ							
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ							
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
a	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
b	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
6	Tổng vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng)							
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư							
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ							
-	Dự án đăng ký mới							
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư							
7	Tổng vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng)							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện							
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ							
-	Vốn chủ sở hữu							
-	Vốn vay							
-	Vốn huy động hợp pháp khác							
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ							
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ							
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ							
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ							
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ							

TT	Nội dung	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ							
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ							
<i>a</i>	<i>Số dự án có lợi nhuận</i>							
<i>b</i>	<i>Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)</i>							

Ghi chú:

(1): Dự án thuộc diện Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

(2): Dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

(3): Dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư.

Phụ biểu 06
Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng
Tên địa phương:
Năm:

STT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong đó:			Ghi chú
			Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho cấp xã	Dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1	Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn					
2	Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:					
a	Đúng quy định					
b	Có vi phạm					
c	Chưa xác định được					
3	Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:					
a	Do các cơ quan chưa công khai thông tin					
b	Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin					
c	Lý do khác					
4	Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:					
a	Đã có thông báo kết quả xử lý					
b	Chưa có thông báo kết quả xử lý					
c	Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo					

Phụ biểu 07
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A, B, C SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
(Năm....)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo	Luỹ kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển nguồn)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ⁸ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ⁹ (nếu có)	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												
1													
2													
(...)													
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													

⁸ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

⁹ Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo	Luỹ kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển nguồn)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ¹ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ² (nếu có)	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												
1													
2													
(...)													
C	DỰ ÁN KẾT THÚC ĐẦU TƯ TRONG KỲ												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												
1													
2													
(...)													

Ghi chú:

Các cột số: (9), (10), (11), (13), (14): đánh dấu x vào ô tương ứng (nếu có).

Phụ biểu 08
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
(Năm....)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Lũy kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo	Lũy kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển nguồn)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ¹⁰ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ¹¹ (nếu có)	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA												
I	Dự án khởi công mới												
1													
2													
(...)													
II	Dự án chuyển tiếp												
1													
2													
(...)													
III	Dự án kết thúc đầu tư trong kỳ												
1													
2													
(...)													
B	DỰ ÁN PHÁT SINH TIÊU CHÍ QUAN TRỌNG QUỐC GIA												
I	Dự án chuyển tiếp												
1													

¹⁰ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

¹¹ Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền

2													
(...)													
II	Dự án kết thúc đầu tư trong kỳ												
1													
2													
(...)													

Ghi chú:

Các cột số: (9), (10), (11), (13), (14): đánh dấu x vào ô tương ứng nếu có.

Mẫu số 02**Báo cáo đánh giá ban đầu đối với dự án đầu tư công**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCDGDĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN ĐẦU**Tên dự án:**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN (tóm tắt theo Quyết định đầu tư)

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Mục tiêu của dự án:
5. Quy mô, công suất:
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:
7. Địa điểm dự án:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Các mốc thời gian về dự án:
 - Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
11. Tổng mức đầu tư:
12. Nguồn vốn đầu tư:

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt.
2. Những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt dự án.
3. Những nội dung có liên quan khác (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ
 (ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

**Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư
đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN (tóm tắt theo Quyết định đầu tư hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh)

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

(Thông tin về dự án chỉ báo cáo 01 lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi quyết định đầu tư dự án hoặc sau khi điều chỉnh dự án có các nội dung điều chỉnh liên quan đến những thông tin về dự án nêu trên)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

1.1. Tiến độ thực hiện dự án: *(Công tác lập TKKT, công tác GPMB và tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng).*

1.2. Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng:

1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:

1.4. Chất lượng công việc đạt được: *(Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán)*

1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:

1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: *(Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu)*

2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: *(Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án)*



2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án).*

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: *(Nêu các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án).*

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

IV. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

(Kèm theo Phụ biểu 09)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)



Phụ biểu 09
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÊN DỰ ÁN:

Chủ đầu tư:

Địa điểm thực hiện:

Tổng mức đầu tư:

Tổng dự toán:

Kế hoạch vốn trong năm của dự án:

Lũy kế kế hoạch vốn cho dự án:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên hạng mục/Gói thầu	Giá trị	Nguồn vốn	Tiến độ thực hiện	Trong kỳ báo cáo		Lũy kế giá trị thực hiện	Lũy kế giải ngân	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ¹² (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ¹³ (nếu có)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú
					Giá trị thực hiện	Giải ngân						
1												
2												
(...)												

¹² Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

¹³ Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền

Mẫu số 04

**Báo cáo đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn
đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCDGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ HOẶC GIAI ĐOẠN

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án so với mục tiêu đầu tư;
2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt.
3. Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các giải pháp cần thiết, kể cả việc điều chỉnh chương trình, dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 05

**Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư
đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

- Căn cứ pháp lý điều chỉnh dự án
- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh
- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).

IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06**Báo cáo đánh giá đột xuất
đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công****NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCDGDT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐỘT XUẤT**Tên dự án:**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN*Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.***II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm đánh giá so với mục tiêu đầu tư.
2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt.
3. Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
4. Ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện chương trình, dự án, khả năng hoàn thành các mục tiêu của chương trình, dự án.

III. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các giải pháp cần thiết.

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**
(ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 07

**Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư
đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện dự án: *Mô tả tóm tắt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư.*

2. Tổng hợp các kết quả thực hiện đạt được của dự án:

2.1. Kết quả thực hiện các nội dung đã được phê duyệt: *Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã được phê duyệt: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng,....*

2.2. Kết quả thực hiện về vốn đầu tư: *So sánh giữa tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư với tổng giá trị thực hiện và giải ngân thực tế; các điều chỉnh chủ yếu về tổng mức đầu tư của dự án (nếu có); các yếu tố ảnh hưởng.*

2.3. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án

2.4. Nêu sơ bộ về các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng

2.5. Tác động và tính bền vững của dự án: *Nêu những nhân tố tác động, đảm bảo sự bền vững và phát huy hiệu quả của dự án.*

3. Bài học rút ra từ thực tiễn tổ chức thực hiện dự án và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. KIẾN NGHỊ

Nêu các kiến nghị để phát huy tính hiệu quả, sự bền vững hoặc khắc phục các hạn chế của dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ SỬ DỤNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng..... năm

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH
(Năm....)**

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án (*nêu rõ thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án và so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện đầu tư*).
2. Tính bền vững; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án (nếu có).
3. Tình hình sản xuất, kinh doanh (*đối với dự án đầu tư nhằm mục đích kinh doanh*):
 - Tình hình sử dụng lao động (*số lượng, cơ cấu trình độ*) đến thời điểm báo cáo.
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động (*lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...*).
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp*).
 - Tình hình lợi nhuận (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo*).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

CHỦ SỬ DỤNG
(*ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 09

Báo cáo đánh giá tác động
đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật vận hành.
2. Tác động kinh tế - xã hội.
3. Tác động môi trường, sinh thái.
4. Tính bền vững của dự án.
5. Bài học rút ra từ chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện, vận hành dự án; trách nhiệm của tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. KIẾN NGHỊ

Nêu rõ đề xuất, kiến nghị đối với dự án.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10

Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc phạm vi quản lý trong năm

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ TRONG NĂM (Năm....)

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm;
- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (giá trị khối lượng thực hiện của tất cả các nguồn vốn);
- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ;
- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có).

(Kèm theo Phụ biểu 01 của Mẫu số 01)

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình lập, thẩm định, quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư.
2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án.
3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.
4. Tình hình thực hiện các dự án:
 - a) Việc quản lý thực hiện dự án: lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;
 - b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo các phụ biểu: 03.1, 03.2, 07 và 08 của Mẫu số 01)

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán; tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: việc huy động vốn cho dự án (vốn nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn vay); giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý.

3. Tình hình khai thác, vận hành dự án: kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

4. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.

5. Việc thực hiện các nội dung quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và quyết định đầu tư Dự án.

6. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

7. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).

8. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu 03.1 và Phụ biểu 08 của Mẫu số 01)

IV. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.
2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11**Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư
đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư****TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng.... năm

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)****Tên dự án:**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhà đầu tư:
3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:
4. Tổ chức tư vấn lập dự án:
5. Mục tiêu, quy mô của dự án:
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:
7. Địa điểm dự án:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Hình thức hợp đồng:
10. Các mốc thời gian về dự án:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc đầu tư đưa công trình vào vận hành khai thác:
- Dự kiến thời gian chuyển giao:
11. Quyết định đầu tư: số, ngày, tên cơ quan phê duyệt.
12. Tổng mức đầu tư
13. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư trong đó:
 - Vốn nhà nước tham gia Dự án:
 - Tổng vốn đầu tư (vốn chủ sở hữu, vốn vay);
14. Phương án tài chính:
15. Thông tin về doanh nghiệp dự án:

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (số, ngày cấp, tên cơ quan cấp):
- Vốn điều lệ:
- Người đại diện theo pháp luật:

(Nội dung này chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi có quyết định điều chỉnh dự án, điều chỉnh hợp đồng, làm thay đổi các thông tin về dự án)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án *(nêu kết quả thực hiện các công việc chính của dự án; ước khối lượng thực hiện trong kỳ, lũy kế từ đầu năm, từ đầu dự án và so sánh với kế hoạch)*.
2. Tình hình huy động vốn cho dự án *(nêu kết quả huy động vốn để thực hiện dự án trong kỳ theo các nguồn vốn (vốn chủ sở hữu; vốn vay; huy động hợp pháp khác và vốn nhà nước tham gia dự án); lũy kế từ đầu năm và từ đầu dự án; so sánh với kế hoạch)*.
3. Tình hình giải ngân *(nêu tình hình giải ngân vốn đầu tư trong kỳ; lũy kế giá trị giải ngân từ đầu năm và từ đầu dự án theo các nguồn vốn; so sánh với kế hoạch)*.
4. Công tác thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản.
5. Tình hình thực hiện các nội dung tại hợp đồng dự án.
6. Khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý, những khó khăn của dự án./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 12

**Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành
đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng năm

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH**

Tên dự án:.....

(Năm....)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của mẫu số 11 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào khai thác, vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án (*nêu rõ thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án và so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện đầu tư*).

2. Tình hình kinh doanh của doanh nghiệp dự án:

- Tình hình sử dụng lao động (*số lượng, cơ cấu trình độ*) đến thời điểm báo cáo.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động (*lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...*).
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp*).
- Tác động của dự án đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Doanh thu hàng năm, doanh thu lũy kế đến thời điểm báo cáo, tình hình trả nợ vốn chủ sở hữu, vốn vay,... so sánh với phương án tài chính trong Hợp đồng đã ký.
- Tình hình lợi nhuận (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo*).
- Sơ bộ tình hình tài chính doanh nghiệp (*nợ ngắn hạn, nợ dài hạn,..., phân tích, đánh giá so với kỳ báo cáo trước liền kề*).

3. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

NHÀ ĐẦU TƯ

(ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 13**Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư
đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác****TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ**(6 tháng/năm....)****Tên dự án:****Kính gửi:****I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN****1. Nhà đầu tư***a) Nhà đầu tư thứ nhất:*

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

b) Nhà đầu tư tiếp theo:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

2. Tổ chức kinh tế (doanh nghiệp dự án):

- Tên doanh nghiệp:
- Các thông tin để giao dịch (*địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ email...*):
- Đăng ký kinh doanh (*số, ngày, nơi cấp*):
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật:
- Vốn điều lệ:
- Vốn pháp định (nếu có):

3. Dự án đầu tư:

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện:
- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):
- Diện tích đất sử dụng:
- Mục tiêu, quy mô:
- Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:
- Thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án:

- Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):
- Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

(Nội dung này chỉ báo cáo một lần vào kỳ đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi dự án được điều chỉnh làm thay đổi các thông tin về dự án).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án:

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tình hình giao đất:
- Tiến độ xây dựng cơ bản (nếu có):
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có):
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ:
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu đầu tư:

2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (nếu có):

a) Tiến độ góp vốn:

STT	Loại vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn điều lệ		
3	Vốn pháp định (nếu có)		

b) Nguồn vốn:

STT	Nguồn vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn chủ sở hữu		
2	Vốn vay các tổ chức tín dụng		
3	Nguồn vốn huy động khác		
	Cộng		

3. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

5. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 14
Báo cáo đánh giá đột xuất
đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ/CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCDGMT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐỘT XUẤT

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 13.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Sự phù hợp của kết quả thực hiện dự án so với mục tiêu đầu tư.
2. Mức độ hoàn thành khối lượng công việc so với quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
3. Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có) và nguyên nhân.
4. Ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện dự án, khả năng hoàn thành mục tiêu của dự án.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu những đề xuất, kiến nghị đối với dự án.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ/
 CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
 VỀ ĐẦU TƯ**
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15**Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án đầu tư
đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác****TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**Tên dự án:**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN*Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của mẫu số 13.***II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN***Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).***III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN***- Nêu căn cứ pháp lý điều chỉnh dự án.**- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh.**- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).***IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH****V. KIẾN NGHỊ***Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.***NHÀ ĐẦU TƯ***(ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 16
Báo cáo đánh giá kết thúc
đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC
KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCDGGT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 13.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (*dánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu, trừ mục tiêu kinh doanh*):

- Những mục tiêu về xây dựng dự án, tạo lập dự án, doanh nghiệp:
- Những mục tiêu về quy mô:
- Những mục tiêu khác:

2. Đánh giá kết quả huy động các nguồn lực (*dánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu*):

- Nguồn lực tài chính (vốn chủ sở hữu, vốn vay và huy động khác,...):
- Nguồn nguyên liệu:
- Đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác:
- Nguồn lực lao động, chất xám, công nghệ:
- Các nguồn lực về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, như: điện, nước, giao thông...
- Các nguồn lực khác:

3. Đánh giá tiến độ thực hiện (*dánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu. Đặc biệt những vướng mắc về chế độ, chính sách, thủ tục hành chính...*):

sự phối hợp giữa nhà đầu tư và các cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.):

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng:
- Tiến độ xây dựng:
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử:
- Tiến độ huy động vốn:

4. Đánh giá về lợi ích của dự án (nêu những lợi ích do dự án mang lại trong quá trình thực hiện, dự tính những lợi ích dự án sẽ mang lại trong quá trình hoạt động kinh doanh).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ
THỰC HIỆN DỰ ÁN
 (ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 17**Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác****TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSĐGDT

..... ngày tháng.... năm

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH
(6 tháng/năm....)****Tên dự án:****Kính gửi:****I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**

Ghi nội dung quy định tại Mục I Mẫu số 13 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào khai thác, vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC, VẬN HÀNH DỰ ÁN**1. Tình hình sản xuất, kinh doanh:**

- Tình hình sử dụng lao động (*số lượng, cơ cấu trình độ*) đến thời điểm báo cáo.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động (*lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...*).
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp*).
- Tình hình lợi nhuận (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo*).
- Sơ bộ tình hình tài chính doanh nghiệp (*nợ ngắn hạn, nợ dài hạn,..., phân tích, đánh giá so với kỳ báo cáo trước liền kề*).

2. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

3. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)**4. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án (nếu có)****III. KIẾN NGHỊ**

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 18**Báo cáo đánh giá tác động đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU
TU/CƠ QUAN QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCDGDT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại Mục I của Mẫu số 13.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Thực trạng việc khai thác, vận hành dự án.
2. Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu những đề xuất, kiến nghị đối với dự án.

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ/CƠ
QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
ĐẦU TƯ**
(ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 19. Báo cáo tình hình giám sát đầu tư của cộng đồng

Tên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã
(Quý .../năm....)

Kính gửi:.....

Số TT	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã	Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư	Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích cộng đồng; tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của dự án	Kiểm tra việc thực hiện công khai minh bạch trong quá trình đầu tư dự án	Theo dõi, kiểm tra nhà thầu tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức vật tư và chủng loại vật tư theo quy định	Theo dõi kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng, vốn ngân sách cấp xã, vốn tài trợ trực tiếp cho xã								
1									
2									
(...)									
II	Dự án theo phương thức đối tác công tư, các dự án sử dụng vốn nhà nước (trừ các dự án ở Mục I)								
1									
2									
(...)									
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác								

Ban giám sát cộng đồng xã....

Đánh dấu x vào ô tương ứng với nội dung đã được giám sát; trong đó:

- Đối với các dự án ở Mục I cần giám sát tất cả các nội dung.
- Đối với các dự án ở Mục II cần giám sát các nội dung: (3), (4), (5), (6), (7), (8).
- Đối với các dự án ở Mục III cần giám sát các nội dung: (3), (4), (5), (6), (8).